TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/DS-PT
Ngày: 31 - 10 - 2024
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tiền bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang.**

Các Thẩm phán: Ông **Hàng Lâm Viên;**

Bà **Trần Thị Dịu.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Phó Hà Vy** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Hồng Yến** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tiền bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐ-PT ngày 08/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐ-PT ngày 22/10/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim L**, sinh năm 1969.(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thành L1**, sinh năm 1964.(Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, phường P, TP. P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông **Đoàn Minh G**, sinh năm 1962.(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1962.(Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà G đường L, phường P, TP. P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1926.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà **Đinh Thị N** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T4, tỉnh Ninh Thuận.(Có mặt)

2. Ông **Đoàn Minh H1**, sinh năm 1992.(Có mặt)

3. Ông **Đoàn Minh Đ**, sinh năm 1999.(Có mặt)

4. Ông **Đoàn Minh T1**, sinh năm 1991.(Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5. **UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Kiều Tấn T2** - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện N(Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Thành Q** – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Ninh Thuận.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

1/. Bà Trần Thị Anh T3, sinh năm 1971.(Có mặt)

2/. Ông Võ Đình H2, sinh năm 1967.(Có mặt)

3/. Ông Lê N1, sinh năm 1968.(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4/. Ông Dương Văn D, sinh năm 1947.(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5/. Ông Nguyễn H3, sinh năm 1968.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Ông **Đoàn Minh G** là bị đơn trong vụ án.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: **Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn**, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị Kim L trình bày:

Nguyên trước đây năm 2000, vợ chồng bà có khai hoang 01 lô đất diện tích khoảng 5.000m^2 tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Lô đất trên tiếp giáp trực tiếp với đất ông Nguyễn H3, ông Võ Đình H2, đất của ông Đoàn Minh G và nhà máy giấy. Vợ chồng bà canh tác và sử dụng ổn định đến năm 2014 cho bà Trần Thị Anh T3 trực tiếp thuê đất. Năm 2019, Nhà nước kiểm kê hiện trạng sử dụng các thửa đất để phục vụ cho công tác thu hồi bồi thường, nên bà T3 trả lại đất. Tại thời điểm kiểm kê, đoàn đo đạc đã đo vẽ toàn bộ thửa đất của bà và có một phần đất của ông Đoàn Minh G thành 01 thửa đất số 175 tờ bản đồ số 90 với tổng diện tích là 5.908,4m^2 quy chủ cho bà nhưng ông Đoàn Minh G tranh chấp. Bà và ông G đã xác định lại ranh giới hai thửa đất tại thực địa nên cơ quan đo đạc đã chỉnh lý lại theo đó thửa 175 chia tách thành 02 thửa là thửa 175 quy chủ cho bà diện tích 4.258,5m^2 còn thửa 175a quy chủ cho ông Đoàn Minh G với diện tích là 1.649,6m^2. Hiện thửa đất 175a ông Đoàn Minh G đã nhận tiền bồi thường. Còn thửa đất 175 khi bà làm thủ tục nhận tiền bồi thường thì ông G tiếp tục tranh chấp nhưng không tiến hành khởi kiện. Do bà không nhận được tiền bồi thường nên năm 2023 bà khởi kiện ông G đến Toà án để được giải quyết.

Nay bà yêu cầu Toà án xác định phần diện tích 4.258,5 m^2 thuộc thửa 175 tờ bản đồ số 90 là của vợ chồng bà, nay chồng bà đã chết đề nghị Toà án cho bà được nhận tiền bồi thường.

Nguyên đơn đề nghị Toà án cho bà được nhận số tiền bồi thường theo Quyết định bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất là 421.591.500 đồng (*Bốn trăm hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm đồng*).

Bị đơn ông Đoàn Minh G trình bày:

Vào khoảng năm 1986 ông có khai hoang một vùng đất tại thôn H, xã Q, hiện thuộc các thửa đất số 50 và 51 tờ bản đồ số 90 tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, có ký tên sử dụng đất. Năm 2007, ông nhận hợp đồng với Sở Khoa học công nghệ môi trường tỉnh N kết hợp với trường Đại học Nông Lâm thành phố H nhận cây điều, cây nem trồng nhưng do nắng hạn nên cây trồng bị chết. Sau đó

ông canh tác ổn định cho đến năm 2019, UBND huyện N tỉnh Ninh Thuận thông báo thu hồi đất thửa đất 175 diện tích 5.908,4m^2 của ông nhưng lại quy chủ cho bà Võ Thị Kim L nên ông tranh chấp. Do giữa thửa đất 175 tờ bản đồ số 90 có một đường mương nước nhỏ nên cơ quan đo đạc đã tự tách thửa 175 thành 02 thửa 175 diện tích là 4.258,5m^2 quy chủ cho bà L và thửa 175a diện tích 1.649,6m^2 quy chủ cho ông và ông đã nhận tiền bồi thường.

Thửa 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258.5m^2 bà L đang tranh chấp được chỉnh lý từ thửa 50 của ông đã được quy chủ vào năm 2007. Trước khi ông D1 chồng bà L chết, vợ chồng bà L có canh tác tại thửa đất này nhưng ông không có tranh chấp do ông D1 là em trai của ông tuy nhiên đây vẫn là đất của ông bởi ông đã được quy chủ. Tại thời điểm thu hồi đất, tại thửa 175 ông trồng nem, trồng mì và đã thu hoạch xong.

Nay bà L cho rằng thửa 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2 là của vợ chồng bà L và đề nghị Toà án cho bà L được nhận số tiền bồi thường là 421.591.500 đồng thì ông không đồng ý.

Tại đơn yêu cầu phản tố đề nghị Toà án xác định thửa đất 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2 là của ông và cho ông được nhận số tiền bồi thường hơn 600.000.000 đồng tuy nhiên căn cứ theo Quyết định bồi thường số 1711 ngày 28/6/2023 của UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận, quá trình giải quyết và tại phiên toà ông thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện và yêu cầu được nhận số tiền bồi thường là 421.591.500 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị T tuy nhiên, quá trình giải quyết, Toà án đã triệu tập hợp lệ đồng thời đã trực tiếp lấy lấy lời khai, ý kiến của bà T nhưng không thể ghi nhận ý kiến của bà T do bà T tuổi cao, không còn minh mẫn.

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-TTTGPL ngày 25/01/2024 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T4 cử ông Lê Xuân L2 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T4 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, trợ giúp viên pháp lý trình bày: Thửa đất 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2 là của bà T khai hoang, chứ không phải của bà Võ Thị Kim L. Vì vậy, yêu cầu của bà L là không có căn cứ pháp luật đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các chứng cứ do ông Đoàn Minh G cung cấp là đúng và có cơ sở vì vậy đề nghị Toà án giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị T và ông Đoàn Minh G.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh Đ, Đoàn Minh T1 và Đoàn Minh H1 trình bày:

Bà Võ Thị Kim L và ông Đoàn Minh D1 là cha mẹ ruột của ông. Thửa đất số 175 tờ bản đồ số 90 tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận được cha mẹ canh tác từ trước đến nay. Trước khi cha ông chết (chết năm 2011, không để lại di chúc) cha ông đã canh tác và không ai tranh chấp, việc ông Đoàn Minh G cho rằng đất này là của ông G là không đúng.

Do cha các ông chết, không để lại di chúc, các ông là con ruột thuộc hàng thừa kế thứ nhất đề nghị Toà án cho mẹ ông được nhận số tiền bồi thường theo Quyết định bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận có Công văn số 2412/UBND-TH ngày 09/8/2023 và Công văn số 3469/UBND-TH ngày 31/10/2023 (BL 144, 162) trình bày ý kiến:

Theo Thông báo số 32/TB-UBND huyện N ngày 12/02/2020 về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng thì thửa đất số 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 5.908,4m^2 được quy chủ cho hộ bà Võ Thị Kim L. Trong quá trình kiểm kê, đo đạc xác định ranh giới thửa đất thì thửa đất trên do bà L và ông G đang sử dụng. Căn cứ vào kết quả xác định ranh giới sử dụng đất của 02 hộ, đơn vị đo đạc đã tách thửa đất 175 thành 02 thửa:

Thửa 175a, tờ bản đồ số 90, diện tích 1.649,6m^2 quy chủ cho ông G, ông G đã nhận tiền bồi thường.

Thửa 175, tờ bản đồ số 90, diện tích 4.258,5m^2 quy chủ cho bà L, bà L chưa được nhận tiền bồi thường.

Về nguồn gốc sử dụng đất, UBND xã Q xác nhận: Vào năm 1973 gia đình bà Đỗ Thị T khai hoang, đến năm 2000 thì cho lại gia đình bà L (không có giấy tờ giao đất), sử dụng đến ngày 29/4/2020 thì ông G có gửi đơn đến UBND xã Q tranh chấp với thửa đất này. Thửa đất số 175 tờ bản đồ số 90 được chỉnh lý từ các thửa đất số 50, 52, 56 tờ bản đồ địa chính số 90 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó thửa 50 quy chủ cho ông Đoàn Minh G, thửa đất số 52 là đất BCS, thửa đất số 56 là DCS. Ngày 28/6/2023 UBND huyện N ban hành Quyết định số 1711/QĐ-UBND bồi thường số tiền 421.591.500 đồng cho bà Võ Thị Kim L nhưng do đang có tranh chấp nên số tiền bồi thường hiện đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước. UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 156, 157, 271, 273 và 483 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 3, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 19, Điều 21, khoản 3 và khoản 4 Điều 22 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, tiền bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất"*.

Bà Võ Thị Kim L được nhận số tiền 421.591.500 đồng (*Bốn trăm hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm đồng*) theo Quyết định số 1711/QĐ-UBND 28/6/2023 của UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc: Công nhận thửa đất 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5 m^2 tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho ông Đoàn Minh G và được nhận số tiền bồi thường là 421.591.500 đồng (Bốn trăm hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đoàn Minh G hoàn trả cho bà Võ Thị Kim L 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2024 bị đơn ông Đoàn Minh G có đơn kháng cáo đề nghị: *Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận toàn bộ diện tích 4.258,5m^2 thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 90 xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho bị đơn*.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS nội dung: Kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm: *Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đoàn Minh G về quyền sử dụng thửa đất số 50 tờ bản đồ địa chính số 90 diện tích 2.598,4m² (nay là một phần diện tích của thửa đất số 175 tờ bản đồ địa chính số 90). Phần diện tích còn lại là 4.258,5 – 2.598,4 = 1.660,1m² giao lại cho UBND xã Q và UBND huyện N xem xét quyết định*.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị: Rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 284, Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Minh G; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 07 tháng 6 năm 2024 bị đơn ông Đoàn Minh G nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tiền bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất*" là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Minh G, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Ông G cho rằng phần đất có diện tích 4.258,5m^2 thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 90 tọa lạc tại xã Q, huyện N đang tranh chấp là do ông khai hoang năm 1986 và liên tục sử dụng ổn định cho đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Còn phía bà L khai, vợ chồng bà khai hoang sử dụng thửa đất từ năm 2001 và cung cấp chứng cứ là bà Trần Thị Anh T3 thuê đất từ năm 2014 đến năm 2019. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm ông G cũng thừa nhận vợ chồng bà L sử dụng thửa đất từ năm 2001 và năm 2014 biết bà L cho bà T3 thuê đất nhưng không ngăn cản hay phản đối (BL 303). Tại phiên tòa phúc thẩm ông G khai: là do ông G cho vợ chồng bà L mượn đất để canh tác nhưng phía bà L không thừa nhận và ông G không cung cấp được chứng cứ cho mượn.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người thuê đất là bà Trần Thị Anh T3 xác nhận: Từ năm 2014 đến khi thu hồi đất năm 2019, bà là người trực tiếp thuê đất để canh tác, không ai tranh chấp đến khi nhà nước thu hồi thì bà trả lại đất cho bà L. Lời trình bày của bà T3 phù hợp với nội dung Biên bản xác minh ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn tại UBND xã Q và Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường ngày 24/3/2020 (BL 84, 178): *Tại thời điểm thu hồi đất, thửa đất 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2, bà L cho người khác thuê, trên đất trồng mì mới thu hoạch xong*.

[3.3] Các người làm chứng do bị đơn đưa ra là ông Lê N1, ông Nguyễn H3, ông Dương Văn D đều trình bày có thấy ông G khai hoang là thửa số 50 nay là thửa số 175 đang tranh chấp nhưng lời khai có mâu thuẫn như sau: ông Lê N1: *không xác định được vị trí thửa đất mà ông san ủi, tên thửa 175 là do ông hỏi ông G và ông ghi vào* (BL 62); ông Nguyễn H3 xác nhận là chữ ký của mình tại biên bản ngày 25/7/2016 mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của bà Võ Thị Kim L (BL 95) và thừa nhận *tại thời điểm đo đạc do tỉnh thực hiện thì bà L là chủ sử dụng đất liền kề*; Tại phiên tòa phúc thẩm ông D trình bày*: ông G có nhận cây đào và nem trồng nhưng không nhớ ông G trồng ở thửa đất nào*.

[3.4] Theo Công văn số 336/TTQĐ-GPMB ngày 01/8/2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất cung cấp thông tin (BL 158), Công văn số 3469/UBND-TH ngày 31/10/2023 của UBND huyện N (BL 162) cung cấp thông tin thì năm 2020 khi tiến hành kiểm kê, đo đạc xác định ranh giới thửa đất thu hồi thì thửa đất 175 có diện tích 5.908,4m^2 do 02 hộ bà Võ Thị Kim L và ông Đoàn Minh G đang sử dụng. Trên cơ sở xác định ranh giới đất của 02 hộ, đơn vị đã đo đạc và tách thửa đất số 175 thành 02 thửa đất là thửa 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2 được quy chủ cho hộ bà Võ Thị Kim L, còn thửa 175a tờ bản đồ số 90 diện tích 1.649,6m^2 quy chủ cho hộ ông Đoàn Minh G. Hồ sơ kê khai khi thu hồi đất, ông G chỉ kê khai là chủ sử dụng thửa đất 175a tờ bản đồ số 90 diện tích 1.649,9m^2 tại biên bản kiểm kê ngày 16/3/2022 (BL 150) và thửa 175a đã được UBND huyện N ban hành quyết định thu hồi bồi thường, ông G đã nhận tiền bồi thường đối với thửa 175a này. Như vậy, có thể xác định tại thời điểm năm 2020 UBND huyện N ban hành Thông báo thu hồi đất thì giữa ông G và bà L đã tự phân chia ranh giới thửa đất 175 đất trước khi UBND huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và khi có quyết định thu hồi thửa 175 quy chủ cho nguyên đơn thì bị đơn ông G cũng không khiếu nại hay khởi kiện tại Tòa án.

[3.5] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai tại xã Q được thành lập vào năm 2007: Thửa đất 175 tờ bản đồ số 90 được chỉnh lý từ các thửa đất 50, 52, 56 trong đó: ông Đoàn Minh G được quy chủ thửa 50 với diện tích 2.816m^2 nhưng vào năm 2020 đã tách thửa đất số 175 thành 02 thửa là thửa 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2 được quy chủ cho hộ bà Võ Thị Kim L, còn thửa 175a tờ bản đồ số 90 diện tích 1.649,6m^2 quy chủ cho hộ ông Đoàn Minh G. Như vậy, tại thời điểm kiểm kê đo đạc, ông G đã xác định rõ ranh giới giữa đất ông G và bà L (BL 144,158,162,163,166). Mặt khác, bị đơn đã thừa nhận thửa 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2 vợ chồng bà Võ Thị Kim L canh tác từ năm 2001 (BL 303).

[3.6] Mặc dù nguyên đơn không có chứng cứ quy định tại các điều 100, 101 Luật Đất đai 2013 và các Điều 20, 21, 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nhưng nguyên đơn chứng minh được là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất tranh chấp từ năm 2001 đến năm 2019 và được bị đơn thừa nhận (BL 303). Theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 21, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì thửa đất 175 diện tích 4.258,5m^2 tờ bản đồ số 90 đủ điều kiện để được xem xét công nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên thửa đất này đã có quyết định thu hồi đất nên căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Hộ bà L thuộc trường hợp không được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sửu dụng đất mà được quyền nhận số tiền bồi thường là 421.591.500 đồng theo Quyết định 1711/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND huyện N về việc bồi thường,

hỗ trợ là phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[3.7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 283 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

[5.1] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 (Ba triệu) đồng bà Võ Thị Kim L đã tạm ứng. Buộc ông Đoàn Minh G phải hoàn trả cho bà L.

[5.2] *Về án phí:*

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đoàn Minh G được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Minh G được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 283, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, các điều 156, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 19, Điều 21, khoản 3 và khoản 4 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai; Các Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L.

Bà Võ Thị Kim L là người đại diện cho hộ được nhận số tiền 421.591.500 đồng *(Bốn trăm hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm đồng)* theo Quyết định số 1711/QĐ-UBND 28/6/2023 của UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc: Công nhận thửa đất 175 tờ bản đồ số 90 diện tích 4.258,5m^2 tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho ông Đoàn Minh G và được nhận số tiền bồi thường là **421.591.500 đồng** (*Bốn trăm hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm đồng*).

3. Chi phí định giá: Buộc ông Đoàn Minh G phải hoàn trả cho bà Võ Thị Kim L **3.000.000 đồng** *(Ba triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L 14.276.000 *(Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006250 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đoàn Minh G do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đoàn Minh G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự (6);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Sơn (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Trang